

MARKET LENS

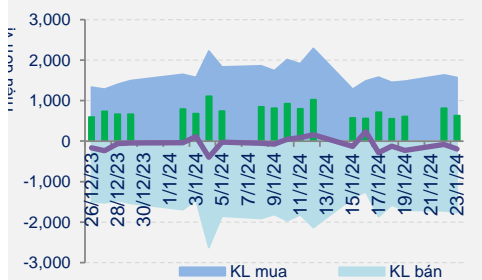
23/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

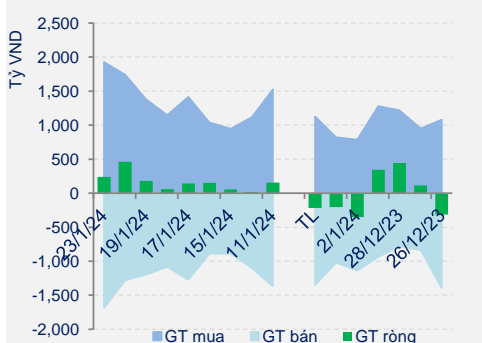
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,177.50	229.26
% Thay đổi	↓ -0.45%	↓ -0.22%
KLGD (CP)	629,259,412	68,720,515
GTGD (tỷ đồng)	15,079.08	1,324.63
Tổng cung (CP)	1,765,005,568	135,384,000
Tổng cầu (CP)	1,574,877,258	110,096,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,912,286	2,421,400
KL mua (CP)	59,619,291	923,512
GT mua (tỷ đồng)	1,926.93	26.08
GT bán (tỷ đồng)	1,688.39	48.21
GT ròng (tỷ đồng)	238.55	(22.12)

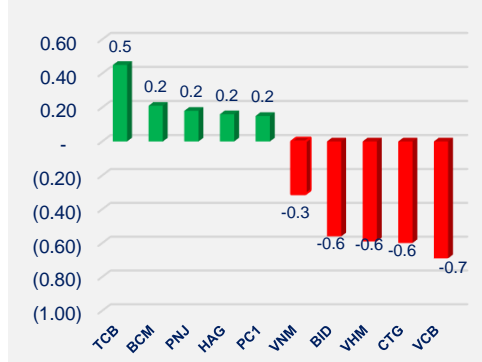
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục tăng điểm lên vùng 1.185 điểm - 1.190 điểm tương ứng kháng cự của đường trend_line giảm giá nổi dài từ vùng đỉnh 1.500 điểm đến nay. Áp lực điều chỉnh gia tăng và chịu ảnh hưởng phần lớn đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng trong vùng quá mua ngắn hạn. Kết phiên VN-INDEX giảm 5,36 điểm (-0,45%) về mức 1.177,50 điểm. HNX-INDEX giảm 0,51 điểm (-0,22%) về mức 229,26 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực khi áp lực điều chỉnh gia tăng mạnh hơn với 381 mã giảm giá (06 mã giảm sàn), 245 mã tăng giá (15 mã tăng trần) và 177 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 16.397,2 tỉ đồng, giảm 17,03% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy áp lực điều chỉnh gia tăng, nhưng mức độ điều chỉnh tương đối bình thường khi giá giảm khối lượng giao dịch giảm, đồng thời dòng tiền vẫn có dấu hiệu xoay vòng liên tục sang các mã, nhóm mã khác. Khối ngoại gia tăng giao dịch và duy trì mua ròng trên HOSE với giá trị 238,55 tỉ đồng, tập trung mua ròng ở nhóm thép, ngân hàng; tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 22,12 tỉ đồng.

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 02/2024/TT - BTC bãi bỏ toàn bộ 7 thông tư trong lĩnh vực đầu tư công. Thông tư có hiệu lực từ ngày 25/2/2024. Nhóm cổ phiếu đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng đã có diễn biến khá tích cực trước thông tin này, đa số tăng giá với thanh khoản cải thiện mạnh như PC1 (+6,6%), LCG (+1,67%), VCG (+1,60%), HHV (+1,29%), FCN (+1,05%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng phục hồi khá tốt trở lại sau thời gian điều chỉnh tích lũy và giá dầu phục hồi với nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản rất đột biến, nổi bật với PSH (+6,97%), VTO (+6,32%), PVB (+2,46%), PVD (+2,39%)... Các cổ phiếu cảng biển, vận tải biển cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng như DXP (+4,88%), GMD (+1,74%), HAH (+0,78%)... thể hiện tính chất xoay vòng khi lần lượt các nhóm ngành vẫn có nhiều mã nổi bật vượt trội...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy sau giai đoạn tăng giá mạnh trong vùng quá mua ngắn hạn, đa số giảm điểm, thanh khoản trên mức trung bình với EIB (-1,50%), CTG (-1,38%), MSB (-1,06%).. ngoài KLB (+1,67%), TCB (+1,43%), STB (+0,83%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa phần cũng biến động điều chỉnh trong biên độ hẹp, thanh khoản trên mức trung bình như CSI (-2,58%), DSC (-1,90%), SHS (-1,08%), SSI (-0,44%).. ngoài các mã tích cực với TVB (+6,97%), HCM (+1,01%), MBS (+0,41%)....

Các mã nhóm bất động sản sau những phiên phục hồi khá tốt trước thông tin Luật đất đai (sửa đổi) được thông qua thì đa phần điều chỉnh tích lũy trở lại, thanh khoản suy giảm khá mạnh so với những phiên trước như CEO (-1,80%), NVL (-1,73%), HDC (-1,44%), HDG (-1,33%), NLG (-1,15%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 giảm 10 điểm (-0,84%) chênh lệch dương 0,15 điểm so với VN30, thu hẹp mạnh so với những phiên trước, thể hiện tâm lý thận trọng hơn sau giai đoạn rất lác quăn. Khối lượng giao dịch tăng 2,46% so với phiên trước, dưới mức trung bình. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn trên vùng hỗ trợ quanh 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 1,15 điểm đến -2,15 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp dương và mở rộng âm, cho thấy các trader đang ưu tiên vị thế đóng các vị thế mua ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn khi VN30 vẫn trong vùng quá mua ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường có phiên giao dịch giằng co, điều chỉnh khi VN-Index tiếp tục tiến tới gần ngưỡng kháng cự 1.200 điểm. Chốt phiên chỉ số giảm điểm nhẹ 5,36 điểm (-0,45%) và đóng cửa ở 1.177,5 điểm. Diễn biến rung lắc là điều bình thường như chúng tôi đã nhận định và chưa ảnh hưởng tới xu hướng tăng ngắn hạn của thị trường trong kênh tích lũy trung hạn. Chúng tôi vẫn kỳ vọng Vn-Index sau đợt rung lắc có thể tiến tới vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm và trong kịch bản tích cực là ngưỡng cản trên của kênh tích lũy trung hạn quanh 1.250 điểm.

Xu hướng trung hạn vẫn duy trì trung tính khi thị trường vẫn đang trong khu vực cân bằng để tích lũy lại với biên độ dao động kỳ vọng chặt chẽ dần, kỳ vọng trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn tích cực mặc dù diễn biến rung lắc, điều chỉnh khi Vn-Index tiệm cận cản tâm lý 1.200 điểm là hoàn toàn có thể diễn ra. Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, tránh mua đuổi trong các phiên tới. Nhà đầu tư trung, dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân vào những mã đầu ngành, kỳ vọng kết quả tích cực trong năm nay nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

23/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	32.70	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.30	25-26.3	29.5-30.5	23	13.9	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thé	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.80	22.3	28-28.5	25	15.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.50	45.1	52-53	48	7.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.90	27.55	30-31	26.5	1.3%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.80	18.09	23-24	19	9.5%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Tạo hành lang pháp lý đồng bộ khi Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành

Tổ Biên tập Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và các đơn vị liên quan rà soát các quy định của Luật để đề xuất xây dựng Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư đề hướng dẫn thi hành Luật. Luật Đất đai (sửa đổi) vừa được thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội Khóa XV. Để xây dựng hành động cụ thể sớm đưa Luật Đất đai (sửa đổi) vào thực tiễn sau khi được Quốc hội thông qua, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Minh Ngân đã làm việc với Tổ Biên tập Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) về Kế hoạch triển khai Luật Đất đai (sửa đổi).

Bộ Tài chính bãi bỏ 7 thông tư trong lĩnh vực đầu tư công

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ 7 thông tư trong lĩnh vực đầu tư công, có hiệu lực từ ngày 25/2/2024. Thông tư 02 nêu rõ, bãi bỏ toàn bộ 7 thông tư sau: Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư. Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thông tư số 12/2017/TT-BTC ngày 10/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường,....

Vốn FDI dự báo tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam năm 2024

HSBC dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng GDP ở mức 6% vào năm 2024, nhanh hơn năm 2023. Một trong những yếu tố hỗ trợ đến từ dòng vốn FDI. Trong báo cáo mới phát hành, ông James Cheo, Trưởng bộ phận đầu tư Khu vực Đông Nam Á và Ấn Độ, Khối Dịch vụ Ngân hàng Tư nhân Toàn cầu của HSBC dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 6% vào năm 2024. Ngoài ra, lạm phát của Việt Nam khá ổn định nhưng rủi ro tăng do giá năng lượng hoặc lương thực cao hơn dự kiến. Nhóm phân tích cho rằng NHNN sẽ thận trọng và giữ nguyên lãi suất điều hành trong năm nay. Tỷ giá USD/VND được dự báo sẽ tiến tới mốc 24.400 vào cuối năm 2024.

Đồng yên trượt giá sau khi Ngân hàng Trung ương Nhật giữ nguyên lãi suất âm

Sau khi tuyên bố của BOJ được đưa ra, thị trường chứng khoán Nhật Bản lập đỉnh cao mới của 34 năm, trong khi đồng yên tiếp tục xu hướng mất giá từ đầu năm... Trong một quyết định không nằm ngoài dự báo, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) ngày 23/1 giữ nguyên lãi suất ở trạng thái âm. Ngoài ra, cơ quan này giảm dự báo về lạm phát lõi trong năm tài khoá tới - một động thái làm gia tăng áp lực mất giá lên đồng yên, khiến đồng tiền này sụt về gần hơn mốc chũ chốt 150 yên đổi 1 USD.

TIN DOANH NGHIỆP

Vĩnh Hoàn (VHC): Lợi nhuận sau thuế quý IV/2023 giảm tới gần 70% cùng kỳ

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC – sàn HOSE) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2023 với doanh thu đạt hơn 2.399 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,57% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng hơn 10%, nên lợi nhuận gộp trong kỳ chỉ đạt hơn 195 tỷ đồng, giảm hơn 59% so với con số hơn 476 tỷ đồng của quý IV/2022. Lợi nhuận trước và sau thuế trong quý IV/2023 của Vĩnh Hoàn lần lượt đạt 98,56 tỷ đồng và 66,34 tỷ đồng, tương ứng giảm 58,2% và 66,48% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2023, Vĩnh Hoàn đạt doanh thu gần 10.079 tỷ đồng, giảm 25,14% so với năm 2022 và hoàn thành 87,64% mục tiêu năm (11.500 tỷ đồng); lợi nhuận sau thuế đạt 949,6 tỷ đồng, giảm hơn 52,8% và hoàn thành 94,96% mục tiêu năm (1.000 tỷ đồng).

Techcombank (TCB): Kết quả kinh doanh quý IV/2023 bứt phá, dự kiến chia cổ tức tiền mặt thấp nhất 20%

Cả năm 2023, lợi nhuận trước thuế của Techcombank ước đạt 22,9 nghìn tỷ đồng. Ngân hàng dự kiến đề xuất mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt ít nhất 20%/tổng lợi nhuận, ước tính khoảng 1.500 đồng/cổ phiếu cho năm 2024. Kết quả chung, Techcombank ghi nhận lợi nhuận trước thuế quý IV đạt 5,8 nghìn tỷ đồng, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 22,9 nghìn tỷ đồng, vượt so với kế hoạch đề ra ở mức 22 nghìn tỷ đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua hồi tháng 4/2023.

VIB: Doanh thu năm 2023 tăng trưởng 23%, lợi nhuận vượt 10.700 tỷ đồng

Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất trước kiểm toán cho năm 2023 với doanh thu tiếp tục đà tăng trưởng tốt, hiệu quả kinh doanh vượt trội, bảng tổng kết tài sản vững mạnh và uy tín thương hiệu ở top đầu ngành. Kết thúc năm 2023, VIB đạt tổng doanh thu hơn 22.000 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với năm 2022, trong đó thu nhập từ lãi đạt hơn 17.000 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Thu nhập ngoài lãi chiếm 22% doanh thu, với sự đóng góp tích cực của các mảng thẻ tín dụng, bảo hiểm, ngoại hối và các khoản thu từ nợ đã xử lý rủi ro.

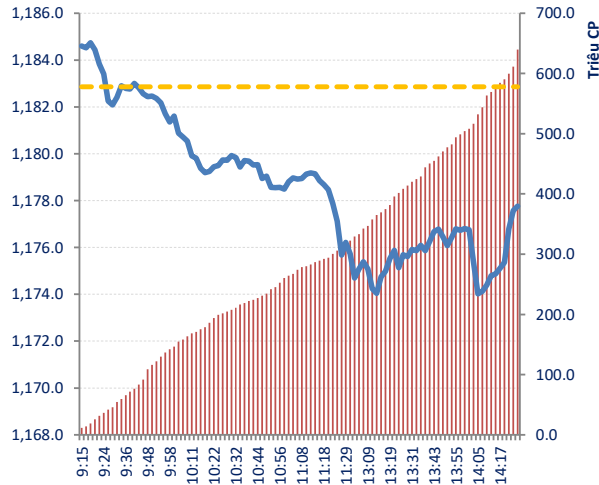
Lợi nhuận Hoá chất Đức Giang (DGC) lao dốc nhưng vẫn vượt kế hoạch năm

CTCP Tập đoàn Hoá chất Đức Giang (mã DGC - sàn HOSE) ghi nhận lãi 745,7 tỷ đồng trong quý IV/2023, lũy kế năm 2023 ghi nhận lãi 3.250,4 tỷ đồng, giảm 46,2% so với cùng kỳ. Trong quý IV/2023, Tập đoàn Hoá chất Đức Giang ghi nhận doanh thu đạt 2.387,7 tỷ đồng, giảm 23,3% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 745,7 tỷ đồng, giảm 33,6% so với cùng kỳ. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 41,4%, về 32,9%. Lũy kế trong năm 2023, Tập đoàn Hoá chất Đức Giang ghi nhận doanh thu đạt 9.747,9 tỷ đồng, giảm 32,5% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 3.250,4 tỷ đồng, giảm 46,2% so với cùng kỳ.

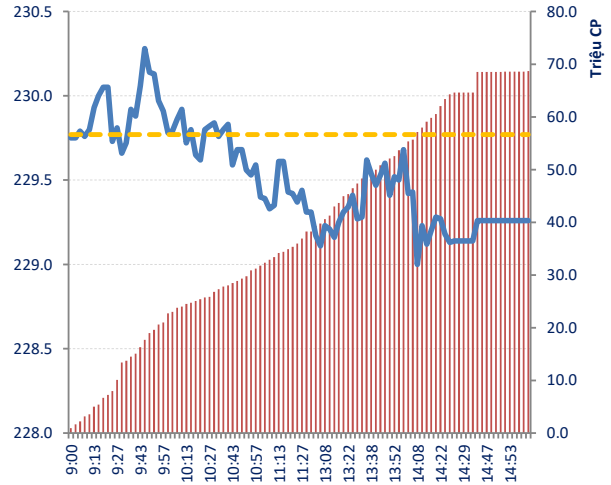


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

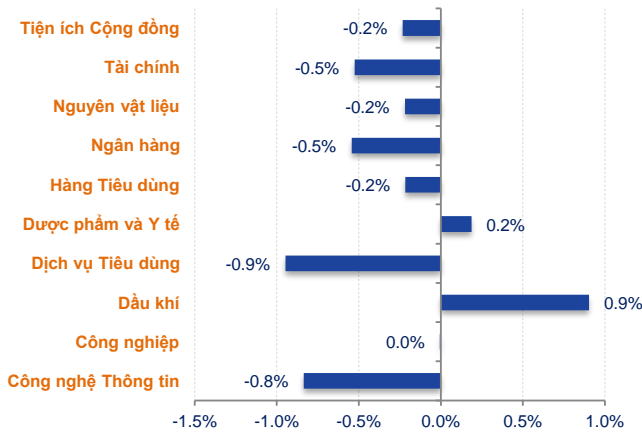
KLGD và VN-Index trong phiên



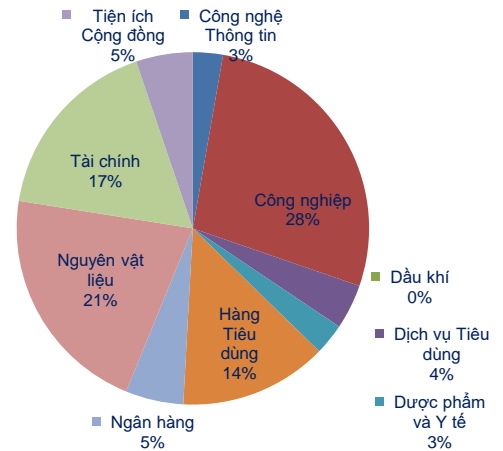
KLGD và HNX-Index trong phiên



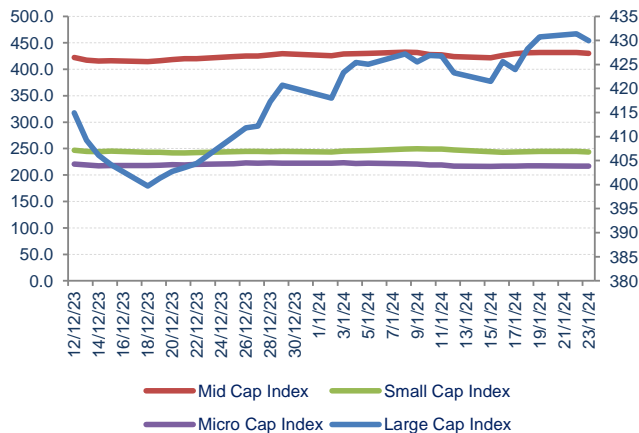
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



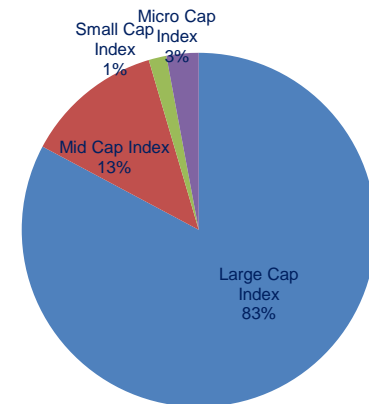
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	4,445,700	VND	1,889,662
2	STB	4,428,100	KBC	1,112,170
3	HCM	2,692,800	DGC	601,368
4	VPB	2,349,900	DCM	551,200
5	VRE	1,520,860	MWG	515,708

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	278,300	PVS	907,500
2	MBG	72,800	CEO	132,600
3	LAS	25,600	TIG	99,988
4	DL1	13,700	SHS	98,732
5	TVC	12,400	SD6	68,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	17.45	17.35	↓ -0.57%	26,835,493
SHB	12.05	12.15	↑ 0.83%	23,870,883
VPB	19.50	19.70	↑ 1.03%	23,443,259
EIB	19.40	19.85	↑ 2.32%	22,586,896
SSI	33.80	33.70	↓ -0.30%	22,395,072

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.60	18.40	↓ -1.08%	12,750,062
CEO	22.00	21.80	↓ -0.91%	5,681,085
MBS	23.60	23.40	↓ -0.85%	4,175,529
PVS	37.10	36.90	↓ -0.54%	4,051,035
HUT	19.70	19.60	↓ -0.51%	3,385,386

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QNP	22.90	24.50	1.60	↑ 6.99%
MCP	37.50	40.10	2.60	↑ 6.93%
TVB	5.77	6.17	0.40	↑ 6.93%
HBC	8.68	9.28	0.60	↑ 6.91%
LEC	5.80	6.20	0.40	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNC	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
TVC	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
HGM	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
BED	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
NET	67.10	73.80	6.70	↑ 9.99%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PPC	15.55	13.75	-1.80	↓ -11.58%
PMG	9.11	8.48	-0.63	↓ -6.92%
HNA	23.95	22.30	-1.65	↓ -6.89%
FDC	17.50	16.30	-1.20	↓ -6.86%
FIR	11.90	11.10	-0.80	↓ -6.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHC	112.50	101.30	-11.20	↓ -9.96%
QHD	33.50	30.20	-3.30	↓ -9.85%
TTT	36.90	33.30	-3.60	↓ -9.76%
SJ1	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
VTH	9.60	8.70	-0.90	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	26,835,493	11.6%	1,444	12.0	1.3
SHB	23,870,883	15.9%	2,036	6.0	0.9
VPB	23,443,259	9.7%	1,463	13.5	1.2
EIB	22,586,896	8.3%	1,013	19.7	1.4
SSI	22,395,072	8.9%	1,346	25.2	2.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,750,062	5.7%	688	27.0	1.5
CEO	5,681,085	6.7%	955	23.3	1.8
MBS	4,175,529	12.3%	1,334	18.1	2.1
PVS	4,051,035	6.7%	1,846	19.9	1.3
HUT	3,385,386	0.8%	122	161.8	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QNP	↑ 7.0%	14.0%	2,779	9.4	1.3
MCP	↑ 6.9%	7.6%	1,207	33.2	2.4
TVB	↑ 6.9%	5.8%	563	11.7	0.7
HBC	↑ 6.9%	-146.3%	(7,611)	-	7.2
LEC	↑ 6.9%	-5.5%	(881)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNC	↑ 10.0%	13.0%	3,503	14.1	1.8
TVC	↑ 10.0%	6.3%	1,021	6.5	0.4
HGM	↑ 10.0%	28.8%	4,577	9.6	2.7
BED	↑ 10.0%	19.8%	2,712	12.2	2.3
NET	↑ 10.0%	46.4%	7,966	9.7	4.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	4,445,700	2.8%	516	48.4	1.3
STB	4,428,100	17.5%	3,825	7.9	1.3
HCM	2,692,800	8.3%	1,252	19.9	1.8
VPB	2,349,900	9.7%	1,463	13.5	1.2
VRE	1,520,860	11.8%	1,818	13.1	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	278,300	17.0%	3,177	16.1	3.0
MBG	72,800	2.6%	283	18.0	0.5
LAS	25,600	10.7%	1,316	11.6	1.2
DL1	13,700	3.9%	501	9.0	0.3
TVC	12,400	6.3%	1,021	6.5	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	514,196	22.6%	6,013	15.3	3.2
BID	283,882	17.6%	3,450	14.4	2.1
VHM	187,238	25.0%	9,468	4.5	1.0
CTG	175,330	15.7%	3,377	9.7	1.3
GAS	175,241	19.0%	5,283	14.4	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	17,582	0.8%	122	161.8	1.6
PVS	17,541	6.7%	1,846	19.9	1.3
IDC	16,830	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	15,125	5.7%	688	27.0	1.5
THD	13,667	2.9%	460	77.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	2.91	0.2%	26	436.2	1.0
DXS	2.63	-1.9%	(269)	-	0.4
VPG	2.54	-0.5%	(97)	-	1.0
VAF	2.50	12.9%	1,678	7.9	1.0
DRH	2.36	0.0%	1	7,997.2	0.4

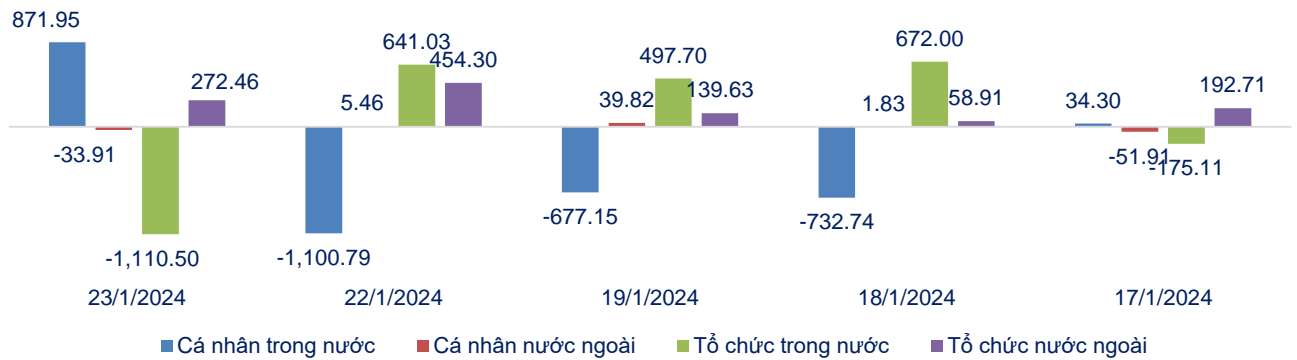
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	2.38	5.8%	785	53.9	3.0
TSB	2.23	5.3%	627	67.0	3.6
VC7	2.21	6.2%	562	23.7	1.2
VIG	2.19	9.6%	685	11.5	1.1
VC2	2.16	2.2%	279	36.6	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	419.37	3.6%	814	32.5	1.0
VHM	67.94	25.0%	9,468	4.5	1.0
ACB	62.38	23.8%	3,839	6.9	1.5
FPT	61.06	22.3%	4,815	20.0	4.3
VND	57.93	13.0%	1,657	13.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-184.50	1.9%	322	88.0	1.6
VCG	-67.05	2.8%	516	48.4	1.3
HCM	-41.88	8.3%	1,252	19.9	1.8
DBC	-38.01	-1.3%	(250)	-	1.4
NVL	-33.92	-1.4%	(309)	-	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	9.05	11.6%	1,444	12.0	1.3
MWG	4.78	3.0%	476	97.0	2.9
MSN	2.09	2.2%	572	118.3	2.5
DGC	0.88	29.7%	9,010	10.2	2.8
TPB	0.57	13.7%	2,019	9.2	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-35.87	22.3%	4,815	20.0	4.3
VNM	-6.08	24.4%	4,029	17.0	4.2
VND	-4.97	13.0%	1,657	13.2	1.6
HCM	-1.52	8.3%	1,252	19.9	1.8
PC1	-1.41	3.6%	814	32.5	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	179.22	1.9%	322	88.0	1.6
DBC	38.62	-1.3%	(250)	-	1.4
NVL	37.03	-1.4%	(309)	-	0.8
PNJ	26.28	19.8%	5,500	15.9	3.0
DGC	15.18	29.7%	9,010	10.2	2.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-421.90	3.6%	814	32.5	1.0
STB	-140.64	17.5%	3,825	7.9	1.3
FPT	-62.62	22.3%	4,815	20.0	4.3
ACB	-62.38	23.8%	3,839	6.9	1.5
VHM	-61.76	25.0%	9,468	4.5	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	135.44	17.5%	3,825	7.9	1.3
VCG	113.28	2.8%	516	48.4	1.3
HCM	68.82	8.3%	1,252	19.9	1.8
VPB	46.06	9.7%	1,463	13.5	1.2
VRE	37.67	11.8%	1,818	13.1	1.5

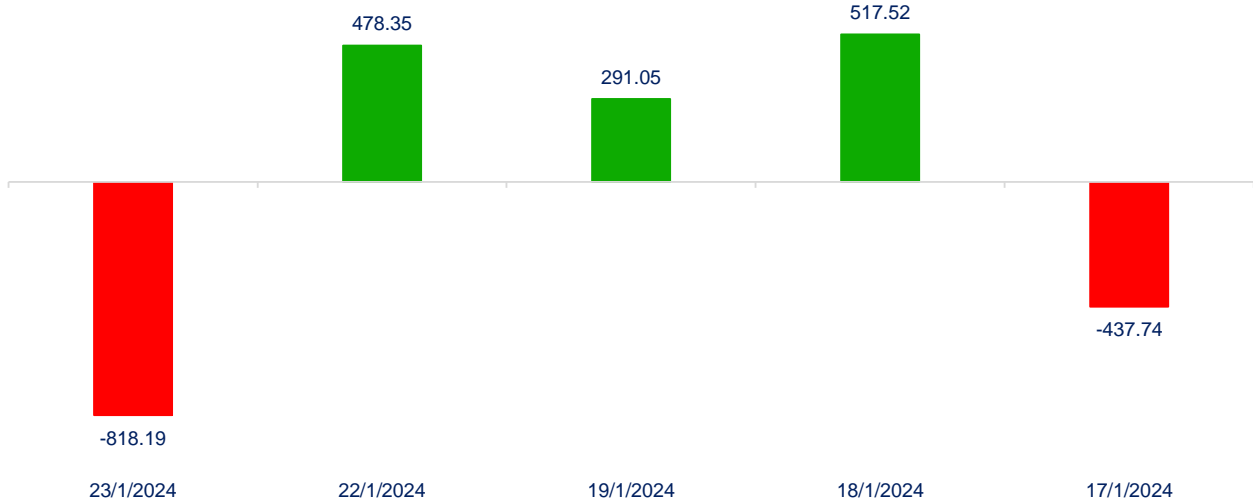
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-55.01	29.7%	9,010	10.2	2.8
VND	-36.57	13.0%	1,657	13.2	1.6
KBC	-33.79	7.6%	1,892	16.3	1.2
MWG	-28.19	3.0%	476	97.0	2.9
GAS	-19.19	19.0%	5,283	14.4	2.3

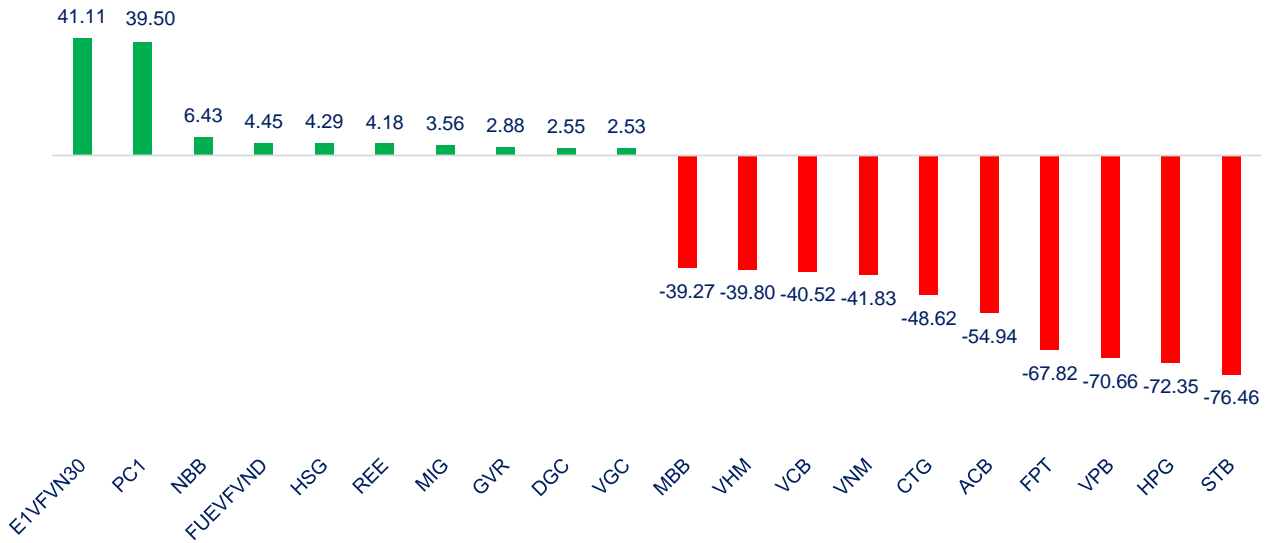


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn